

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**

(Tính đến ngày 05/09/2021)

Khoa: Điện - Điện tử

Số ngày CTXH phải hoàn thành: 15

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
1	DH31801466	Nguyễn Quốc Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT01
2	DH31801681	Đặng Văn Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT01
3	DH31801460	Nguyễn Văn Minh Duy	17	16	-	-	1	-	-	-	0	D18_DDT01
4	DH31803207	Nguyễn Duy Đạo	9	-	-	-	-	9	-	-	6	D18_DDT01
5	DH31800806	Lê Tấn Đạt	57	7	-	-	-	50	-	-	0	D18_DDT01
6	DH31801543	Phạm Chí Hiếu	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5	D18_DDT01
7	DH31801353	Đặng Đức Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT01
8	DH31801490	Phạm Hoàng Hưng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT01
9	DH31800732	Tạ Vũ Khoa	10	-	-	-	-	10	-	-	5	D18_DDT01
10	DH31800664	Đinh Lê Anh Khôi	20	-	-	-	-	11	9	-	0	D18_DDT01
11	DH31801043	Trần Phước Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT01
12	DH31802903	Đoàn Phúc Lộc	19	-	-	-	-	19	-	-	0	D18_DDT01
13	DH31801102	Trịnh Vũ Luân	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_DDT01
14	DH31801390	Điền Quốc Lương	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_DDT01
15	DH31801871	Nguyễn Trọng Nhân	20	13	-	-	-	7	-	-	0	D18_DDT01
16	DH31700008	Phạm Hồng Quân	10	-	-	-	-	10	-	-	5	D18_DDT01
17	DH31802918	Nguyễn Trần Bảo Quốc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT01
18	DH31800929	Nguyễn Nhân Sang	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_DDT01
19	DH31800543	Phạm Hữu Tài	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_DDT01
20	DH31801596	Vô Văn Thiên	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D18_DDT01
21	DH31802392	Đặng Hoàng Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT01
22	DH31802833	Đàm Cảnh Toàn	10	-	-	-	-	10	-	-	5	D18_DDT01
23	DH31800893	Bùi Huỳnh Trí	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_DDT01
24	DH31802601	Nguyễn Quang Vinh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_DDT01
25	DH31800930	Nguyễn Tuấn Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT01
1	DH31804236	Huỳnh Vỹ An	1	-	-	-	1	-	-	-	14	D18_DDT02
2	DH31804318	Nguyễn Quốc Bình	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_DDT02
3	DH31803971	Nguyễn Trường Giang	2	-	-	-	1	1	-	-	13	D18_DDT02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
4	DH31804554	Lưu Bá Giàu	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_DDT02
5	DH31804729	Nguyễn Văn Hoàng Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
6	DH31804790	Đỗ Thế Hưng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
7	DH31804871	Dương Tấn Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
8	DH31804912	Mã Anh Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
9	DH31803857	Nguyễn Hữu Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
10	DH31805170	Thái Bảo Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
11	DH31805529	Lữ Huỳnh Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
12	DH31805607	Nguyễn Công Thắng	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D18_DDT02
13	DH31803530	Huỳnh Ngọc Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
14	DH31805658	Nguyễn Minh Thông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
15	DH31804011	Nguyễn Hòa Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT02
16	DH31805905	Ngô Quang Trường	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_DDT02
17	DH31805943	Hồ Hoàng Tuấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_DDT02
1	DH31804416	Huỳnh Thanh Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
2	DH31803358	Lê Phúc Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
3	DH31804569	Trần Mậu Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
4	DH31800177	Nguyễn Bá Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
5	DH31803883	Trần Quốc Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
6	DH31800492	Nguyễn Lê Quốc Khánh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_DDT03
7	DH31804915	Nguyễn Tuấn Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
8	DH31803083	Đỗ Thành Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
9	DH31805401	Nguyễn Quang Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
10	DH31805561	Nguyễn Sanh Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
11	DH31803995	Phạm Xuân Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
12	DH31800863	Cam Bảo Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
13	DH31803487	Nguyễn Trí Thông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
14	DH31802452	Trần Thanh Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
15	DH31805982	Tô Sơn Tường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
16	DH31802215	Nguyễn Cao Trường Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_DDT03
1	DH41802675	Võ Minh Anh	33	28	-	-	1	4	-	-	0	D18_VT01
2	DH41800660	Trần Tuấn Cảnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
3	DH41803809	K' Trương Ngọc Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
4	DH41806471	Lê Vũ Duy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_VT01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
5	DH41806408	Huỳnh Minh Đạo	1	-	-	-	1	-	-	-	14	D18_VT01
6	DH41802713	Lưu Minh Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
7	DH41803892	Phạm Lê Minh Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
8	DH41804820	Trần Huỳnh Tâm Kha	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
9	DH41800052	Trần Minh Khải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
10	DH41801116	Huỳnh Minh Khánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
11	DH41805083	Phan Trần Nhật Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
12	DH41805118	Đỗ Hoàng Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
13	DH41803094	Nguyễn Văn Nhí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
14	DH41805371	Phạm Hoàng Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
15	DH41803080	Huỳnh Chí Quyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
16	DH41805489	Nguyễn Tấn Sơn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
17	DH41802532	Trương Thế Sơn	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_VT01
18	DH41804173	Nguyễn Hưng Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
19	DH41805674	Nguyễn Gia Thuận	1	-	-	-	1	-	-	-	14	D18_VT01
20	DH41803169	Phan Văn Toán	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
21	DH41805892	Hoàng Phúc Trung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
22	DH41801483	Trần Anh Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
23	DH41802364	Lê Văn Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
24	DH41802291	Nguyễn Đức Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_VT01
1	DH31901172	Phạm Đoàn Minh An	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_DDT01
2	DH31901879	Đào Xuân Bình	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_DDT01
3	DH31900737	Hồ Văn Khánh Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
4	DH31901956	Nguyễn Công Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
5	DH31902632	Nguyễn Phước Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
6	DH31900014	Phạm Ngọc Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
7	DH31900720	Nguyễn Phước Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
8	DH31900567	Lê Hoàng Giang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_DDT01
9	DH31903552	Nguyễn Duy Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
10	DH31902267	Nguyễn Nhật Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
11	DH31904982	Trần Gia Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
12	DH31902899	Huỳnh Đỗ Đăng Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
13	DH31901303	Nguyễn Xuân Nhị Khuê	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
14	DH31901896	Lữ Đức Mạnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
15	DH31904002	Thiều Quang Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
16	DH31902337	Lê Ngọc Thành Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
17	DH31904137	Võ Duy Nhân	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D19_DDT01
18	DH31900175	Lương Tấn Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
19	DH31900283	Nguyễn Thành Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
20	DH31902698	Nguyễn Trường Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
21	DH31900087	Hoàng Cẩm Quyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
22	DH31901189	Nguyễn Văn Quyết	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
23	DH31904476	Nguyễn Tấn Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
24	DH31902417	Lê Nguyễn Phúc Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
25	DH31905436	Đặng Đức Thúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
26	DH31904642	Lê Mạnh Tiến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_DDT01
27	DH31902420	Lê Thị Trinh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_DDT01
28	DH31904788	Nguyễn Văn Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
29	DH31900067	Đông Thế Vinh	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D19_DDT01
30	DH31900515	Trang Trung Vĩnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
31	DH31900518	Phạm Hồ Khánh Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_DDT01
1	DH41903225	Đình Thanh Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
2	DH41903254	Trần Lê Minh Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
3	DH41905128	Đoàn Đức Đức	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_VT01
4	DH41903463	Lưu Huỳnh Khánh Giang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
5	DH41903576	Lê Trọng Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
6	DH41905299	Trần Đức Trung Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
7	DH41902150	Nguyễn Ngọc Diễm Hương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
8	DH41905082	Giang Tuấn Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
9	DH41902757	Phan Trung Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
10	DH41905491	Phạm Ngọc Trung	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_VT01
11	DH41900764	Đông Lê Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
12	DH41904815	Huỳnh Anh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_VT01
1	DH32003481	Trần Minh Hùng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT01
2	DH32003893	Nguyễn Văn Khả	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT01
3	DH32003415	Nguyễn Hồng Khang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT01
4	DH32003630	Lâm Minh Khởi	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_DDT01
5	DH32001083	Nguyễn Thái Anh Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_DDT01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
6	DH32003277	Nguyễn Trí Phúc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT01
7	DH32001310	Huỳnh Nhật Phương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT01
8	DH32002078	Nguyễn Minh Quân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_DDT01
9	DH32001061	Nguyễn Tuấn Tài	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_DDT01
10	DH32003127	Đình Quang Thanh	0	-	-	-	-	0	-	-	15	D20_DDT01
11	DH32002511	Lê Bá Toàn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT01
12	DH32004006	Vương Nhật Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_DDT01
13	DH32003229	Nguyễn Hoàng Vũ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT01
1	DH32007425	Võ Ngân Giang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
2	DH32006366	Nguyễn Hoàng Minh Hậu	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_DDT02
3	DH32007209	Đỗ Văn Hiệp	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
4	DH32006367	Lê Trung Hiếu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
5	DH32006370	Nguyễn Vũ Hòa	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D20_DDT02
6	DH32004031	Nguyễn Phát Hùng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_DDT02
7	DH32004450	Hoàng Trương Xuân Huy	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_DDT02
8	DH31909027	Trần Thanh Hưng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
9	DH32006374	Trần Anh Tuấn Kiệt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
10	DH32004598	Nguyễn Thị Kim Lý	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D20_DDT02
11	DH32006995	Trần Hoàng Nam	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D20_DDT02
12	DH32006389	Lê Minh Phát	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
13	DH32006390	Nguyễn Tấn Phát	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
14	DH32006395	Nguyễn Hữu Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_DDT02
15	DH32006398	Đặng Văn Quý	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_DDT02
16	DH32006399	Nguyễn Thanh Quý	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
17	DH32006412	Lê Quốc Thái	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
18	DH32006413	Hoàng Đức Thắng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
19	DH32004117	Trần Huỳnh Nam Thuận	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
20	DH32006402	Trương Lâm Nhật Tiến	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5	D20_DDT02
21	DH32004825	Nguyễn Ngọc Thanh Toàn	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D20_DDT02
22	DH32007242	Đặng Mạnh Tường	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
23	DH32007260	Nguyễn Quang Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_DDT02
24	DH32004542	Lê Thanh Xuân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_DDT02
1	DH42000726	Nguyễn Quốc Bảo Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT01
2	DH42003523	Trần Hoàng Ân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
3	DH42003358	Tạ Thanh Bình	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_VT01
4	DH42001617	Trần Quốc Bình	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_VT01
5	DH42002746	Lưu Đức Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT01
6	DH42002288	Lê Kim Quý	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_VT01
7	DH41808003	Lưu Hoàng Tín	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT01
1	DH42006426	Nguyễn Minh Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT02
2	DH42006428	Nguyễn Tất Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT02
3	DH42004092	Võ Hồng Hiệp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT02
4	DH42006430	Trần Quốc Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT02
5	DH42004257	Võ Tấn Phát	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_VT02
6	DH42007231	Nguyễn Thành Thông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT02
7	DH42006437	Lê Anh Toàn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_VT02

Tổng số SV: **178**

Đã hoàn thành: **14**

Chưa hoàn thành: **164**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

Người lập bảng

(Đã ký)

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2022

Phụ trách phòng công tác Sinh viên

(Đã ký)

ThS. Lê Thị Phương Hằng